TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/KDTM-ST
Ngày: 14-12-2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Mai Lan

2/ Ông Dương Minh Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên

Ngày 07 và 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 74/2020/KTST, ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế V;

Địa chỉ: Đường M, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Đường M, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Đào Kim L, sinh năm: 1967 – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Đường M, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Có mặt*)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N;

Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Đường K, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 và các biên bản làm việc tại Tòa án, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V (sau đây gọi tắt là Công ty V) có ông Lê Tấn T đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty V và Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có ký kết và thực hiện nhiều hợp đồng mua bán dầu gốc và đã tất toán xong, tuy nhiên đến 03 (ba) hợp đồng mua bán dầu gốc cuối thì phát sinh tranh chấp, cụ thể là:

- Hợp đồng mua bán số: **1603VPFA/2020/HĐMB** ngày 16/03/2020 với số lượng là 20.000 kg dầu gốc 500N, nguồn gốc: Hàn Quốc, đơn giá 19.200 VNĐ/kg. Tổng giá trị: **384.000.000 đồng,** thanh toán 20% giá trị khi ký kết và 80% thanh toán trong thời gian 25 ngày sau khi nhận hàng (đã giao hàng ngay theo biên bản giao nhận hàng hóa ngày 16/04/2020).

- Hợp đồng mua bán số: **1404VPFA/2020/HĐMB** ngày 14/04/2020 với số lượng là 20.000 kg dầu gốc 500N, nguồn gốc: Hàn Quốc, đơn giá 19.000 VNĐ/kg. Tổng giá trị: **380.000.000 đồng,** thanh toán 20% giá trị trước ngày 30/04/2020 và thanh toán 80% còn lại trước ngày 30/05/2020 (đã giao hàng ngay theo biên bản giao nhận hàng hoá ngày 29/04/2020).

- Hợp đồng mua bán số: **2205VPFA/2020/HĐMB** ký ngày 22/05/2020 với số lượng 20.000 kg dầu gốc Nguyên Sinh SN150 đơn giá 14.600 VNĐ/kg. Tổng giá trị: **292.000.000 đồng,** thanh toán trong thời gian 25 ngày kể từ khi nhận hàng nhưng không quá ngày 30/06/2020 (đã giao hàng ngay theo biên bản giao nhận hàng hoá ngày 28/05/2020).

Như vậy, tính đến ngày 28/05/2020, số lượng hàng hoá theo 03 (ba) hợp đồng nêu trên đã được Công ty V giao đầy đủ và đúng thời hạn cho Công ty N nhưng Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thỏa thuận đã giao kết.

Ngày 09/7/2020, Công ty V và Công ty N đã đối chiếu công nợ với số nợ được cả hai bên xác nhận (bao gồm cả tiền phạt chậm thanh toán và tiền lãi) là **1.069.777.927,67 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng lẻ sáu mươi bảy*).

Sau khi đối chiếu công nợ xong, ngày 16/07/2020, Công ty N đã thanh toán thêm cho Công ty V số tiền 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)*. Ngày 07/08/2020, Công ty N lập bản kế hoạch thanh toán nợ và xin gia

hạn việc thanh toán do tình hình dịch bệnh; cam kết ngày 15/08/2020 sẽ thanh toán 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*), ngày 15/09/2020 đến ngày 20/09/2020 sẽ thanh toán 400.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng)* và đến ngày 31/12/2020 sẽ thanh toán dứt điểm phần còn lại. Tuy nhiên Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V theo đúng kế hoạch. Nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH N phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V phần tiền nợ tính đến ngày 12/10/2020 là: **1.086.772.213 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ không trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười ba đồng*). Trong đó:

+ Phần gốc: **986.448.000 đồng** *(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng);*

+ Phần phạt: **60.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng);*

+ Phần lãi quá hạn tính đến ngày 12/10/2020: **55.790.186** (*Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn một trăm tám mươi sáu đồng*).

đã trừ phần dư của Công ty N tính đến lần thanh toán cuối cùng ngày 16.07.2020 là: **15.465.973** (*Bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng*)

-Yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán phần lãi phát sinh kể từ ngày 13/10/2020 cho đến ngày hoàn tất việc thanh toán.

Tại phiên tòa, Công ty V xác định yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH N phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V phần tiền nợ tính đến ngày 07/12/2021 là **1.211.253.615 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười một triệu hai trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm mười lăm đồng)*. Trong đó:

+ Phần gốc: **952.096.000 đồng** *(Bằng chữ: Chín trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mười sáu nghìn đồng)*;

+ Phần phạt: **60.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng);*

+ Phần lãi quá hạn tính từ ngày 16/7/2020 đến ngày 07/12/2021: **199.157.615 đồng** theo mức lãi suất 15%/năm *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn, sáu trăm mười lăm đồng)*;

- Việc thanh toán được thực hiện một lần ngày sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Công ty N có ông Thanh T đại diện ủy quyền trình bày trong suốt quá

trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa hôm nay:

Công ty N thống nhất số tiền nợ tính đến ngày 12/10/2020 là 1.086.772.213 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ không trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười ba đồng*) như phía Công ty V trình bày tại Đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thanh phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, Công ty N đồng ý trả cho cho Công ty V số nợ gốc là 952.096.000 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mười sáu nghìn đồng)*. Đối với số tiền phạt và lãi quá hạn Công ty N không đồng ý trả; bởi vì hiện nay tình hình bệnh dịch công ty làm ăn rất khó khăn nên đề nghị Tòa xem xét.

Ngoài ra, Công ty N và Công ty V có thỏa thuận là Công ty N trả lại cho Công ty V một lượng hàng hóa đã mua và sẽ cấn trừ số hàng hóa này vào tiền nợ và thực tế hai bên đã giao nhận một số lượng hàng hóa này. Tuy nhiên, hiện tại Công ty N bị thất lạc Biên bản giao nhận số lượng hàng giữa hai bên, nên đề nghị Công ty V phải có trách nhiệm cung cấp các chứng cứ cho Tòa. Để từ đó hai bên mới có thể đối chiếu sổ sách để thống nhất số lượng hàng hóa đã bàn giao và qui ra thành tiền để cấn trừ vào số nợ của Công ty N.

Do đó, Công ty N đưa ra phương án trả nợ như sau:

1. Trả 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ 952.096.000 đồng nhưng phải trừ đi số hàng hóa đã trả lại được quy ra thành tiền.

2. Đề nghị Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V không tính tiền phạt và lãi suất phát sinh kể từ ngày 13/10/2020 như được nêu tại thông báo thụ lý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn, ông L trình bày trình bày: Không đồng ý với đề nghị của phía bị đơn. Về phần hàng hóa mà bị đơn trình bày và đề nghị cấn trừ vào số tiền nợ mua hàng của Công ty V phải trả không liên quan gì đến hàng hóa của 03 hợp đồng mua bán hàng hóa đang giải quyết. Nếu Công ty N yêu cầu cấn trừ đi số lượng hàng hóa trả lại cho Công ty V thì đề nghị Công ty N phải có trách nhiệm chứng minh. Công ty N trong quá trình giải quyết công nợ với Công ty V có giao cho Công ty V một số lượng nhỏ hàng hóa để nhờ Công ty V bán hộ. Công ty V tạo điều kiện khắc phục một phần số nợ trong giai đoạn khó khăn của Công ty N nhưng trên thực tế Công ty N chỉ bàn giao một lượng nhỏ cho có lệ nên không thể giải quyết hoặc thanh lý cho các đối tác khác. Nếu phía Công ty N muốn lấy lại thì cứ đến lấy.

Tại phiên Tòa hôm nay Công ty N xác nhận có ký Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/7/2020 và nợ Công ty V số tiền gốc của 03 hợp đồng là 952.096.000 đồng. Do đó nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.211.253.615 đồng; bao gồm: (số tiền chậm thanh toán, lãi suất chậm trả, phạt vi phạm).

Đối với yêu cầu cấn trừ hàng hóa vào số tiền nmà bị đơn đã giao cho nguyên đơn, do bị đơn không có yêu cầu phản tố và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về thỏa thuận cấn trừ hàng hóa vào tiền nợ; nên căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS sẽ không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Công ty TNHH N có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. ***Xét yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V yêu cầu Công ty TNHH N trả cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V số tiền nợ gốc là 952.096.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi hai triệu, không trăm chin mươi sáu nghìn đồng).***

Căn cứ 03 (ba) hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty V và Công ty N gồm: Hợp đồng mua bán số **1603VPFA/2020/HĐMB** ngày 16/03/2020**;** Hợp đồng mua bán số **1404VPFA/2020/HĐMB** ngày 14/04/2020; Hợp đồng mua bán số **2205VPFA/2020/HĐMB** ký ngày 22/05/2020 đều được xác lập bằng văn bản là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 24 Luật Thương mại 2005 quy định: *"1. Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể."*

Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 09/07/2020 giữa Công ty N và Công ty V;

Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 12/10/2020 của Công ty V;

Căn cứ vào trình bày của các bên trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa. Công ty V và Công ty N đều xác nhận tổng cộng giá trị của các hợp đồng trên là: 1.062.096.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng)* do số lượng hàng hóa thực tế lúc cân sẽ có chênh lệch, nên Công ty V sẽ xuất hóa đơn cho Công ty N đúng như thực tế hàng mà hai bên nhận.

Trước khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, Công ty N đã thanh toán cho Công ty V vào ngày 25/06/2020 là 70.000.000 đồng, ngày 16/07/2020 là 40.000.000 đồng; tổng là 110.000.000 đồng. Do đó, số nợ gốc còn lại mà Công ty N phải thanh toán cho Công ty V là: 1.062.096.000 đồng - 110.000.000 đồng = 952.096.000 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mười sáu nghìn đồng)* nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 thì bên mua là Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, bên bán là Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty N trả số tiền mua hàng chưa thanh toán 952.096.000 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm năm mươi hai triệu, không trăm chín mười sáu nghìn đồng)* là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. ***Xét yêu cầu của Công ty V buộc Công ty N phải trả tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán.***

Căn cứ theo Điều 4.2 của các Hợp đồng mua bán đều quy định: "Phạt chậm trả 15.000.000 đồng đối với bất cứ trường hợp nào vượt quá thời gian công nợ". Công ty V yêu cầu Công ty N phải chịu tiền phạt số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 60.000.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005 quy định: "Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật

này". Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán của cả ba hợp đồng trên. Cụ thể: số tiền phạt vi phạm tối đa mà Công ty N phải chịu theo Hợp đồng mua bán số 1603VPFA/2020/HĐMB ngày 16/03/2020 là: 378.240.000 đồng x 8% = 30.259.200 đồng; Số tiền phạt vi phạm tối đa mà Công ty N phải chịu theo Hợp đồng mua bán số 1404VPFA/2020/HĐMB ngày 14/04/2020 là: 380.760.000 đồng x 8% = 30.460.800 đồng; Và số tiền phạt vi phạm tối đa mà Công ty N phải chịu theo Hợp đồng mua bán số 2205VPFA/2020/HĐMB ký ngày 22/05/2020 là: 303.096.000 đồng x 8% = 24.247.680 đồng.

Tổng cộng số tiền phạt vi phạm tối đa của các hợp đồng theo quy định của Điều 301 Luật Thương mại 2005 là: 30.259.200 đồng + 30.460.800 đồng + 24.247.680 đồng = 84.967.680 đồng.

Như vậy, mức phạt vi phạm mà các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 301 Luật Thương mại 2005.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V buộc Công ty N phải chịu tiền phạt vi phạm do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền 60.000.000 đồng.

[2.3]. ***Xét yêu cầu của Công ty V buộc Công ty TNHH N thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi 15%/năm*****.**

Căn cứ quy định tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Căn cứ vào các thông tin về lãi suất mà Tòa án đã thu thập tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh C, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – PGD Hoàng Minh G thì mức lãi suất cho vay ngắn hạn trên thị trường là 10.23%/năm. Như vậy mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là 15.35% năm.

Tại Điều 4.1 của các Hợp đồng nêu trên, các bên thỏa thuận: "Bên mua phải chịu một khoản lãi chậm trả với mức 15%/năm tính trên số tiền chậm trả đối với từng ngày chậm thanh toán. Công thức chậm trả như sau: Tiền lãi chậm trả = (Số tiền chậm trả x 15% x số ngày chậm trả)/365".

Như vậy, mức lãi suất 15%/năm mà các bên thỏa thuận là thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường và phù hợp với quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Công ty N đã có trả nợ gốc nên số tiền lãi chậm thực hiện

nghĩa vụ được tính như sau:

Giai đoạn 1: tính lãi chậm trả từ thời điểm vi phạm đến ngày 25/6/2020 do Công ty N trả 70.000.000 đồng.

Giai đoạn 2: tính từ lãi chậm trả từ ngày 25/6/2020 đến 16/7/2020 do Công ty N trả 40.000.000 đồng.

Giai đoạn 3: tính từ ngày 16/7/2020 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/12/2021;

Tuy nhiên, Công ty V tạo điều kiện cho Công ty N trả nợ, nên chỉ tính lãi chậm trả từ ngày 16/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/12/2021 trên số tiền nợ gốc 952.096.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận:

Hợp đồng	Ngày đến hạn thanh toán	Nợ gốc	Đến phải trả	Số ngày	Lãi suất	Lãi quá hạn
Hợp đồng mua bán số **1603VPFA/2020/HĐMB** Hợp đồng mua bán số **1404VPFA/2020/HĐMB** Hợp đồng mua bán số **2205VPFA/2020/HĐMB**	16/7/2020	**952.096.000**	07/12/2021	509	15%	199.157.615 đồng

Từ những phân tích trên, số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ mà Công ty N phải thanh toán cho Công ty V tạm tính đến ngày 07/12/2021 là: 199,157,615 đồng.

[2.4]. Xét yêu cầu của Công ty N cho rằng do tình hình dịch bệnh phức tạp, Công ty N gặp nhiều khó khăn. Đề nghị được trả số tiền còn nợ theo phương án 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ 952.096.000 đồng và miễn tiền phạt vi phạm do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi Tòa án mời Công ty N đến Tòa án làm việc, hòa giải nhưng đến nay Công ty N cũng không thực hiện nghĩa vụ trả một phần nợ cho Công ty V; điều đó không thể hiện được sự thiện chí mong muốn trả nợ của Công ty N.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc Công ty TNHH N phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V số tiền là: **1.211.253.615 đồng** (trong đó, nợ gốc: 952.096.000 đồng, phạt vi phạm 60.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 7/12/2021 là 199.157.615 đồng. Thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.5]. Đối với ý kiến của Công ty N đề nghị trả lại cho Công ty V một lượng hàng hóa đã mua và sẽ cấn trừ số hàng hóa này vào tiền nợ. Tuy nhiên, Công ty N không cung cấp được chứng cứ chứng minh số hàng hóa mà Công ty V đã giữ của Công ty N là hàng hóa tại các hợp đồng mua bán mà hai bên đang tranh chấp nêu trên và thỏa thuận cấn trừ hàng hóa vào tiền nợ. Đồng thời, phía Công ty V không đồng ý với đề nghị của Công ty N.

Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía Công ty N không có

đơn yêu cầu phản tố nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 48.337.608 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ tám đồng).*

Hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là: 22.301.583 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn năm trăm tám mươi ba đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0027409 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 11, 34, 50, 55, 297, 300, 301 và Điều 306 Luật thương mại 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí 2015;

- Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V.

Buộc Công ty TNHH N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/12/2021 là: **1.211.253.615 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười một triệu hai trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm mười lăm đồng)* (trong đó, nợ gốc: 952,096,000 đồng, phạt vi phạm 60.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 7/12/2021 là 199,157,615 đồng).

Thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, án nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Công ty TNHH N phải chịu tiền án phí là 48.337.608 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ tám đồng)*.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 22.301.583 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn năm trăm tám mươi ba đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0027409 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKS nhân dân Tp.HCM;
- VKS quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Hoàng